

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SEOYEONG

HƯỚNG DẪN NHẬP HỌC

CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI

CONTENTS

- 01p _ 1. GIỚI THIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC SEOYEONG**
- 03p _ 2. KHUÔN VIÊN TRƯỜNG Ở PAJU**
 - TUYỂN SINH CHUYÊN NGÀNH (D-2)
- 10p _ 3. KHUÔN VIÊN TRƯỜNG Ở GWANGJU**
 - TUYỂN SINH CHUYÊN NGÀNH (D-2)
 - QUÁ TRÌNH HỌC TIẾNG (D-4)
- 21p _ 4. TRANG THIẾT BỊ VÀ TÒA NHÀ CỦA TRƯỜNG**



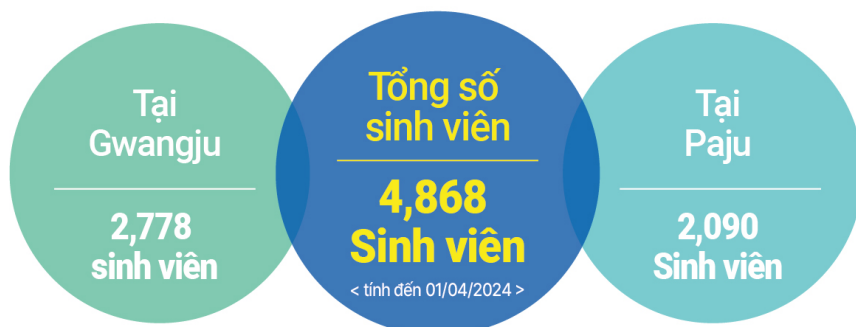
www.seoyeong.ac.kr

01

GIỚI THIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC SEOYEONG

Được thành lập vào năm 1978, trải qua lịch sử 49 năm
Là TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẬP TRUNG VÀO TRỌNG TÂM VIỆC LÀM

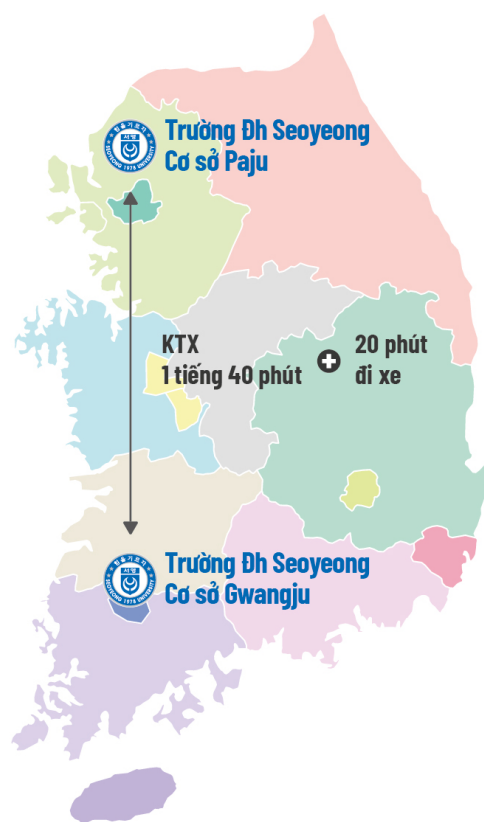
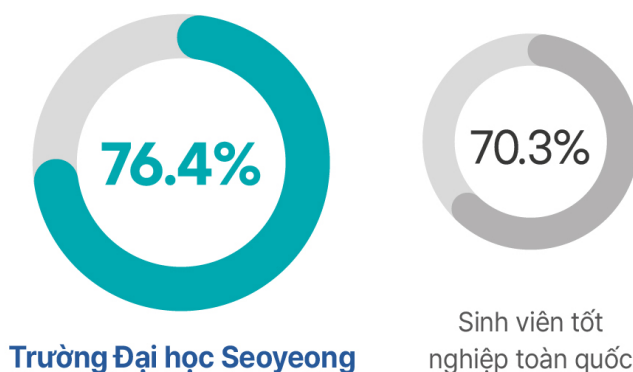
* SỐ LƯỢNG SINH VIÊN THEO HỌC



* HỆ ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH

- ☑ Hệ cao đẳng (2-3 năm) : 31 khoa
- ☑ Hệ đại học (4 năm) : 14 khoa
- ☑ Thạc sĩ : 2 khoa

* TỶ LỆ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP





CÁC THẾ MẠNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SEOYEONG



TẬP TRUNG XIN VIỆC LÀM

- Đào tạo các chuyên ngành có thể xin việc và đổi visa (các khóa học đặc biệt liên quan đến thường trú cho từng ngành)
- Vị trí gần khu công nghiệp, thuận tiện tìm việc làm



TRIỂN KHAI LIÊN KẾT HỖ TRỢ TÌM VIỆC LÀM

- Ký kết với các đối tác cho sinh viên thực tập và tìm việc làm
- Đối tác doanh nghiệp cho sinh viên thực tập
- Hỗ trợ cơ hội và thông tin tìm việc



VỪA HỌC VỪA LÀM

- Để tạo điều kiện cho sinh viên có thể vừa học vừa đi làm thêm, chương trình đào tạo kết hợp học trên lớp và online



02

CƠ SỞ PAJU

CHUYÊN NGÀNH (D-2)



☀ Tuyển sinh tháng 9-2025

Các khoa tuyển sinh	Hệ ban ngày / hệ tối	Thời gian đào tạo	Số lượng tuyển sinh	Khác
Ngành Hành Chính Phúc Lợi Xã Hội	Ban ngày	2 năm	Không giới hạn	Đổi visa E-7-2 (phúc lợi dưỡng lão có tay nghề) định cư tại các khu vực ưu tiên
Công nghệ ô tô	Ban ngày	2 năm	Không giới hạn	Xin việc tại quê nhà hoặc đổi visa E-7 và định cư tại vùng ưu tiên
Làm đẹp	Ban ngày	2 năm	Không giới hạn	Về nước xin việc hoặc xin việc cùng chuyên môn hoặc khởi nghiệp

* The program details above are subject to change.

☀ Lịch tuyển sinh tháng 9-2025

Phân loại	Đợt 1	Đợt 2
Nộp hồ sơ nhập học	07/04/2025 (Thứ Hai) – 30/05/2025 (Thứ Sáu)	01/07/2025 (Thứ Ba) – 18/07/2025 (Thứ Sáu)
Thông báo trúng tuyển	Trước ngày 13.6.2025 (Thứ Sáu)	Trước ngày 25.7.2025 (Thứ Sáu)
Nộp học phí	16/06/2025 (Thứ Hai) – 20/06/2025 (Thứ Sáu)	28/07/2025 (Thứ Hai) – 01/08/2025 (Thứ Sáu)
Cấp Giấy mời nhập học	16.6.2025 (Thứ Hai)~	Bắt đầu từ thứ Hai 28.7. 2025
Nhập cảnh và vào ký túc xá	25/08/2025 (Thứ Hai) – 29/08/2025 (Thứ Sáu) * Việc vào ký túc xá theo lựa chọn	
Khai giảng	01.09.2025 (Thứ Hai)	

* Lịch trình trên có thể thay đổi tùy theo tình hình, và nếu có sự thay đổi, sẽ thông báo cho từng cá nhân hoặc qua trang web.

☀ Tuyển sinh tháng 3-2026

Các khoa tuyển sinh	Hệ ban ngày / hệ tối	Thời gian đào tạo	Số lượng tuyển sinh	Khác
Tiếng Hàn	Ban ngày	2 năm	Không giới hạn	Đổi visa F-2-R(visa cư trú tại vùng đặc biệt: khu ít dân cư Điều kiện cư trú trên 5 năm)học khóa đặc biệt về định cư Và đổi visa E-7 kèm học khóa đặc biệt về định cư *Học bằng tiếng Hàn và bằng tiếng Anh
Phúc lợi dưỡng lão	Ban ngày	2 năm	Không giới hạn	Đổi visa E-7-2 (dưỡng lão hoặc làm việc chuyên ngành liên quan) định cư tại khu vực ưu tiên
Công nghệ ô tô	Hệ ban ngày / hệ tối	2 năm	Không giới hạn	Xin việc tại quê nhà hoặc đổi visa E-7 và định cư tại vùng ưu tiên
Làm đẹp	Ban ngày	2 năm	Không giới hạn	Về nước xin việc hoặc xin việc cùng chuyên môn hoặc khởi nghiệp

* Ngành Công nghệ ô tô học buổi tối chỉ dành cho visa E9

* Có thể thay đổi về nội dung và tuyển sinh



HỌC PHÍ CHUYÊN NGÀNH (mỗi kỳ)

Khoa	Học phí (A)	Học bổng (B)	Học phí đóng (A-B)	Khác
Phúc lợi dưỡng lão	2,750,000 won	825,000 won	1,925,000 won	· Học bổng 30% · Miễn phí nhập học
Công nghệ ô tô	3,200,000 won	960,000 won	2,240,000 won	
Làm đẹp	3,200,000 won	960,000 won	2,240,000 won	

Học bổng Topik

Đối tượng	Số tiền	Khác
Sinh viên đạt Topik 3; hoàn thành tiếng Hàn trung cấp 1 tại học viện Sejong	300,000KRW	Nộp lại chứng nhận liên quan. Chỉ được cấp 1 lần lúc nhập học
Sinh viên đạt Topik 4; hoàn thành tiếng Hàn trung cấp 2 tại học viện Sejong	400,000KRW	
Sinh viên đạt Topik 5 trở lên	500,000KRW	

Tiền ở ký túc xá

Thành phần	Phòng 2 NGƯỜI/ 6 tháng
Số tiền	1,200,000KRW

- * không bao gồm tiền ăn
- * đóng cùng tiền học phí, có thể thay đổi

CÁC CHI PHÍ KHÁC

THÀNH PHẦN	SỐ TIỀN	KHÁC
Bảo hiểm	65,000KRW / 6 tháng	Tham gia bảo hiểm quốc gia
Khác	Sau khi nhập cảnh sinh viên tự đóng các phí cá nhân: (bảo hiểm quốc gia, bảo hiểm DHS), tiền sách học, thẻ người nước ngoài...	



Hồ sơ cần nộp

No.	Hồ sơ cần nộp	Ghi chú
1	Đơn đăng ký nhập học	Theo mẫu của Trường Đại học Seoyeong
2	Bản sao hộ chiếu	Bản sao hộ chiếu của bản thân và của cha mẹ (hoặc giấy tờ tùy thân tại nước sở tại) · Hộ chiếu còn thời hạn ít nhất 1 năm tính đến ngày khai giảng · Đối với người hiện đang sống tại Hàn Quốc, cần nộp thêm bản sao Thẻ đăng ký người nước ngoài (mặt trước và mặt sau)
3	Giấy chứng nhận (dự kiến) tốt nghiệp THPT	Được xác nhận qua 1 trong 2 cách dưới đây: · Chứng nhận Apostille (áp dụng cho các quốc gia tham gia công ước như Trung Quốc, Mông Cổ v.v.) · Hồ sơ gốc được chứng nhận lãnh sự Hàn Quốc ở nước nơi theo học trường THPT hoặc được chứng nhận lãnh sự tại đại sứ quán nước sở tại ở Hàn Quốc * Đối với ứng viên mang quốc tịch Trung Quốc, nộp giấy tờ tùy theo "Phân loại trường học" (Tham khảo bảng dưới) * Người nộp giấy chứng nhận dự kiến tốt nghiệp sau này phải nộp bổ sung giấy chứng nhận tốt nghiệp
4	Bảng điểm của tất cả các lớp tại THPT	Bản gốc và bản dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn)
5	Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn	Một trong những giấy tờ sau: · Bảng điểm kỳ thi năng lực tiếng hàn (TOPIK) từ cấp 2 trở lên · Bảng điểm khóa đạo tiếng Hàn từ cấp 2 trở lên tại các trường đại học Hàn Quốc · Giấy chứng nhận hoàn thành (hoàn tất) từ cấp 2 trở lên của Chương trình Hòa nhập Xã hội (KIIP) · Giấy chứng nhận hoàn thành (hoàn tất) khóa tiếng Hàn từ Sơ cấp 2 trở lên tại Học viện King Sejong
6	Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình	Giấy tờ chứng minh quốc tịch và mối quan hệ của ứng viên và của cả cha mẹ · Trung Quốc: Bản gốc sổ hộ khẩu có công chứng (trường hợp tách hộ khẩu, nộp bản công chứng mối quan hệ huyết thống) · Các nước khác: Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình tại mỗi nước
7	Sao kê ngân hàng	Bản gốc giấy sao kê tiền gửi đúng tên ứng viên hoặc người bảo lãnh tài chính như cha mẹ v.v. (từ 20 triệu won trở lên) * Giấy sao kê tại mỗi quốc gia phải được nộp theo tiêu chuẩn được hướng dẫn bởi Bộ Tư pháp Hàn Quốc và nộp các tài liệu bổ sung khi cần thiết.
8	Giấy tờ chứng minh tài chính	Bản dịch công chứng các giấy tờ chứng minh tài chính (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn) như: giấy xác nhận đi làm của người bảo lãnh tài chính, giấy tờ chứng minh quan hệ thu nhập, tài sản, v.v.
9	Ảnh màu	3 tấm ảnh 3.5 x 4.5 cm loại chụp hộ chiếu với phông nền trắng (được chụp trong vòng 6 tháng gần nhất)

* Trong quá trình xét duyệt hồ sơ, có thể yêu cầu bổ sung giấy tờ cần thiết để xác minh



Hướng dẫn về hồ sơ chứng minh trình độ học lực cuối cùng ở Trung Quốc

(Đối với học viên có trình độ học vấn hoặc bằng cấp ở Trung Quốc)

Phân loại trường học		Hồ sơ cần nộp	Ghi chú
Trường THPT chính quy		Giấy chứng nhận học lực do Trung tâm Chứng nhận Học lực thuộc Bộ Giáo dục Trung Quốc cấp	
Trường trung học dạy nghề	Trường trung học bổ túc phổ thông	① Cấp trực tuyến i) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp : Phải có xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc (Chỉ công nhận trong trường hợp có thể xác minh qua hình thức trực tuyến)	Chọn 1
	Trường THPT dạy nghề	② Cấp trực tiếp i) 'Nộp "Giấy xác nhận thông tin trường trung học dạy nghề tại Trung Quốc"	
	Trường trung học bổ túc dành cho người trưởng thành	ii) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp : Phải có xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc iii) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do nhà trường cấp : Phải có xác nhận của Phòng Giáo dục tỉnh (Sở Giáo dục thành phố) hoặc Ủy ban Giáo dục + Xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc	
	Trường kỹ thuật công nghiệp	Bản tra cứu trực tuyến từ trang web chính thức (www.mohrss.gov.cn) của Bộ Nhân lực và An sinh xã hội (Chỉ công nhận trong trường hợp có thể xác minh qua hình thức trực tuyến) + Xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc	

Điều kiện nộp đơn

Người nộp đơn phải đáp ứng tất cả các mục ①, ② và ③ dưới đây

- ① Cả cha mẹ và bản thân đều là người nước ngoài
- ② Đã tốt nghiệp từ THPT trở lên hoặc có trình độ học vấn tương đương
- ③ Đạt trình độ cấp 2 trở lên trong Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) hoặc đã hoàn thành khóa đào tạo tương đương

* Về quốc tịch, tính đến ngày nộp hồ sơ, người có hai quốc tịch trong đó có quốc tịch Hàn Quốc không thể nộp đơn.

02

CƠ SỞ PAJU

CHUYÊN NGÀNH (D-2)



KHOA PHÚC LỢI DƯỠNG LÃO

Học hệ ban ngày / 2 năm



Đào tạo chuyên gia chăm sóc điều dưỡng có tay nghề để tạo ra một thế giới hạnh phúc



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Đổi visa **E-7-2** (chăm sóc người lớn tuổi, visa việc làm có chuyên môn)



Giới thiệu chuyên ngành

- Giáo dục nhân lực chuyên môn về dưỡng lão
- Giáo dục đặc biệt chuyên môn chăm sóc người lớn tuổi
- Giáo dục tiếng Hàn chuyên môn để bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyên nghiệp tại HQ
- Hỗ trợ xin việc làm tại các doanh nghiệp liên kết
- Đào tạo tại chỗ cho trung tâm phúc lợi xã hội do Tp. Paju điều hành

Vận hành hệ 4 năm

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này





NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Hệ học ngày-học ban tối / 2 năm



Xe ô tô- điện Ngành hội tụ



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Làm việc tại quốc gia bạn hoặc đổi visa **E-7**, học khóa đặc biệt về định cư
- Đổi visa **F-2-R**(visa cư trú tại vùng đặc biệt: khu dân cư thấp Điều kiện cư trú trên 5 năm) học khóa đặc biệt về định cư



Giới thiệu chuyên ngành

- (Điện) giáo dục quá trình kỹ thuật trang bị xe ô tô
- Cư trú tại Hàn Quốc/ liên kết visa làm việc
- Vận hành giáo dục tiếng Hàn theo lĩnh vực toàn cầu



Hợp tác công nghiệp và học tập

- Vẽ phác thảo điện Paju (PEG), kết nối với trên 50 doanh nghiệp năng lượng Paju
- Doanh nghiệp trang thiết bị xe ô tô, doanh nghiệp kiểm định xe ô tô, doanh nghiệp chế tạo phụ kiện xe ô tô

Vận hành hệ 4 năm

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này



02

CƠ SỞ PAJU

CHUYÊN NGÀNH (D-2)



NGÀNH LÀM ĐẸP

Học ngày / 2 năm



Top Hàn Quốc Class Khoa làm đẹp nổi danh



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Sau khi về nước làm về chuyên môn làm đẹp (da, nail, make-up) hoặc có thể xin việc tại HQ, khởi nghiệp
- Nhận chứng chỉ sau khi hoàn thành khóa học (không thi)



Giới thiệu chuyên ngành

- Giáo dục về các lĩnh vực làm đẹp quốc tế
- Làm đẹp (da, tóc, nail, make-up) trọng tâm thực hành và nhận chứng chỉ
- Giáo dục ngôn ngữ để phát triển phục vụ toàn cầu
- Giáo dục phù hợp với các nhu cầu tiêu chuẩn quốc tế

Vận hành hệ 4 năm

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này





TUYỂN SINH (CAO ĐẲNG)

Khoa tuyển sinh	Ngày/Tối	Hệ (năm)	Số lượng	Khác
Khoa tiếng Hàn thực tiễn	Ca ngày / tối	2 năm	Không giới hạn	Đổi visa F-2-R(visa cư trú tại vùng đặc biệt: khu ít dân cư Điều kiện cư trú trên 5 năm)học khóa đặc biệt về định cư Và đổi visa E-7 kèm học khóa đặc biệt về định cư *Học bằng tiếng Hàn và bằng tiếng Anh
Khoa kỹ thuật công nghiệp	Học ngày	2 năm	Không giới hạn	Đổi visa E-7-3(Lao động phổ thông, thợ hàn) khu Đổi visa F-2-R(visa cư trú tại vùng đặc biệt: ít dân cư
Khoa phúc lợi dưỡng lão	Học ngày	2 năm	Không giới hạn	Đổi visa E-7-2 (dưỡng lão, visa chuyên ngành) visa cư trú tại vùng đặc biệt
Khoa công nghệ ô tô	Học ngày	2 năm	Không giới hạn	Làm việc tại quê nhà hoặc đổi visa E-7 và cư trú tại vùng đặc biệt
Khoa thẩm mỹ & làm đẹp	Học ngày	2 năm	Không giới hạn	Về nước làm việc liên quan đến các ngành làm đẹp (da liễu, tóc, nail, make-up) Hoặc làm xin việc tại các khu vực đặc biệt ưu tiên

* Ngành tiếng Hàn thực dụng học buổi tối chỉ dành cho visa E9

* Có thể thay đổi về nội dung và tuyển sinh

LỊCH BIỂU NHẬP HỌC THÁNG 9-2025

Phân loại	Đợt 1	Đợt 2
Nộp hồ sơ nhập học	07/04/2025 (Thứ Hai) – 30/05/2025 (Thứ Sáu)	01/07/2025 (Thứ Ba) – 18/07/2025 (Thứ Sáu)
Thông báo trúng tuyển	Trước ngày 13.6.2025 (Thứ Sáu)	Trước ngày 25.7.2025 (Thứ Sáu)
Nộp học phí	16/06/2025 (Thứ Hai) – 20/06/2025 (Thứ Sáu)	28/07/2025 (Thứ Hai) – 01/08/2025 (Thứ Sáu)
Cấp Giấy mời nhập học	16.6.2025 (Thứ Hai) ~	Bắt đầu từ thứ Hai 28.7. 2025
Nhập cảnh và vào ký túc xá	25/08/2025 (Thứ Hai) – 29/08/2025 (Thứ Sáu) * Việc vào ký túc xá theo lựa chọn	
Khai giảng	01.09.2025 (Thứ Hai)	

* Lịch trình trên có thể thay đổi tùy theo tình hình, và nếu có sự thay đổi, sẽ thông báo cho từng cá nhân hoặc qua trang web.



☀ HỌC PHÍ CHUYÊN NGÀNH (1 KỲ)

KHOA	HỌC PHÍ (A)	HỌC BỔNG (B)	SỐ TIỀN ĐÓNG (A-B)	KHÁC
Khoa tiếng Hàn thực tiễn	2,500,000KRW	750,000KRW	1,750,000KRW	· Học bổng 30% · Miễn phí nhập học
Khoa phúc lợi dưỡng lão	2,500,000KRW	750,000KRW	1,750,000KRW	
Khoa kỹ thuật công nghiệp	2,750,000KRW	825,000KRW	1,925,000KRW	
Khoa công nghệ ô tô	2,750,000KRW	825,000KRW	1,925,000KRW	
Khoa thẩm mỹ & làm đẹp	2,750,000KRW	825,000KRW	1,925,000KRW	

☀ HỌC BỔNG (TOPIK)

ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN	KHÁC
Sinh viên đạt Topik 3; hoàn thành tiếng Hàn trung cấp 1 tại học viện Sejong	300,000KRW	Nộp lại chứng nhận liên quan. Chỉ được cấp 1 lần lúc nhập học
Sinh viên đạt Topik 4; hoàn thành tiếng Hàn trung cấp 2 tại học viện Sejong	400,000KRW	
Sinh viên đạt Topik 5 trở lên	500,000KRW	

☀ TIỀN Ở KÝ TÚC XÁ

THÀNH PHẦN	PHÒNG 4 NGƯỜI/ 6 THÁNG
Số tiền	810,000 KRW

- * không bao gồm tiền ăn
- * đóng cùng tiền học phí, có thể thay đổi

☀ CÁC CHI PHÍ KHÁC

THÀNH PHẦN	SỐ TIỀN	KHÁC
Bảo hiểm	65,000KRW / 6 tháng	Tham gia bảo hiểm quốc gia
Khác	Sau khi nhập cảnh sinh viên tự đóng các phí cá nhân: (bảo hiểm quốc gia, bảo hiểm DHS), tiền sách học, thẻ người nước ngoài...	

03

CƠ SỞ GWANGJU

CHUYÊN NGÀNH (D-2)



☀ Hồ sơ cần nộp

No.	Hồ sơ cần nộp	Ghi chú
1	Đơn đăng ký nhập học	Theo mẫu của Trường Đại học Seoyeong
2	Bản sao hộ chiếu	Bản sao hộ chiếu của bản thân và của cha mẹ (hoặc giấy tờ tùy thân tại nước sở tại) · Hộ chiếu còn thời hạn ít nhất 1 năm tính đến ngày khai giảng · Đối với người hiện đang sống tại Hàn Quốc, cần nộp thêm bản sao Thẻ đăng ký người nước ngoài (mặt trước và mặt sau)
3	Giấy chứng nhận (dự kiến) tốt nghiệp THPT	Được xác nhận qua 1 trong 2 cách dưới đây: · Chứng nhận Apostille (áp dụng cho các quốc gia tham gia công ước như Trung Quốc, Mông Cổ v.v.) · Hồ sơ gốc được chứng nhận lãnh sự Hàn Quốc ở nước nơi theo học trường THPT hoặc được chứng nhận lãnh sự tại đại sứ quán nước sở tại ở Hàn Quốc * Đối với ứng viên mang quốc tịch Trung Quốc, nộp giấy tờ tùy theo “Phân loại trường học” (Tham khảo bảng dưới) * Người nộp giấy chứng nhận dự kiến tốt nghiệp sau này phải nộp bổ sung giấy chứng nhận tốt nghiệp
4	Bảng điểm của tất cả các lớp tại THPT	Bản gốc và bản dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn)
5	Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn	Một trong những giấy tờ sau: · Bảng điểm kỳ thi năng lực tiếng hàn (TOPIK) từ cấp 2 trở lên · Bảng điểm khóa đạo tiếng Hàn từ cấp 2 trở lên tại các trường đại học Hàn Quốc · Giấy chứng nhận hoàn thành (hoàn tất) từ cấp 2 trở lên của Chương trình Hòa nhập Xã hội (KIIP) · Giấy chứng nhận hoàn thành (hoàn tất) khóa tiếng Hàn từ Sơ cấp 2 trở lên tại Học viện King Sejong
6	Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình	Giấy tờ chứng minh quốc tịch và mối quan hệ của ứng viên và của cả cha mẹ · Trung Quốc: Bản gốc sổ hộ khẩu có công chứng (trường hợp tách hộ khẩu, nộp bản công chứng mối quan hệ huyết thống) · Các nước khác: Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình tại mỗi nước
7	Sao kê ngân hàng	Bản gốc giấy sao kê tiền gửi đứng tên ứng viên hoặc người bảo lãnh tài chính như cha mẹ v.v. (từ 16 triệu won trở lên) * Giấy sao kê tại mỗi quốc gia phải được nộp theo tiêu chuẩn được hướng dẫn bởi Bộ Tư pháp Hàn Quốc và nộp các tài liệu bổ sung khi cần thiết.
8	Giấy tờ chứng minh tài chính	Bản dịch công chứng các giấy tờ chứng minh tài chính (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn) như: giấy xác nhận đi làm của người bảo lãnh tài chính, giấy tờ chứng minh quan hệ thu nhập, tài sản, v.v.
9	Ảnh màu	3 tấm ảnh 3.5 x 4.5 cm loại chụp hộ chiếu với phông nền trắng (được chụp trong vòng 6 tháng gần nhất)

* Trong quá trình xét duyệt hồ sơ, có thể yêu cầu bổ sung giấy tờ cần thiết để xác minh



Hướng dẫn về hồ sơ chứng minh trình độ học lực cuối cùng ở Trung Quốc

(Đối với học viên có trình độ học vấn hoặc bằng cấp ở Trung Quốc)

Phân loại trường học		Hồ sơ cần nộp	Ghi chú
Trường THPT chính quy		Giấy chứng nhận học lực do Trung tâm Chứng nhận Học lực thuộc Bộ Giáo dục Trung Quốc cấp	
Trường trung học dạy nghề	Trường trung học bổ túc phổ thông	① Cấp trực tuyến i) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp : Phải có xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc (Chỉ công nhận trong trường hợp có thể xác minh qua hình thức trực tuyến)	Chọn 1
	Trường THPT dạy nghề	② Cấp trực tiếp i) 'Nộp "Giấy xác nhận thông tin trường trung học dạy nghề tại Trung Quốc"	
	Trường trung học bổ túc dành cho người trưởng thành	ii) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp : Phải có xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc iii) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do nhà trường cấp : Phải có xác nhận của Phòng Giáo dục tỉnh (Sở Giáo dục thành phố) hoặc Ủy ban Giáo dục + Xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc	
	Trường kỹ thuật công nghiệp	Bản tra cứu trực tuyến từ trang web chính thức (www.mohrss.gov.cn) của Bộ Nhân lực và An sinh xã hội (Chỉ công nhận trong trường hợp có thể xác minh qua hình thức trực tuyến) + Xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc	

Điều kiện nộp đơn

Người nộp đơn phải đáp ứng tất cả các mục ①, ② và ③ dưới đây

- ① Cả cha mẹ và bản thân đều là người nước ngoài
- ② Đã tốt nghiệp từ THPT trở lên hoặc có trình độ học vấn tương đương
- ③ Đạt trình độ cấp 2 trở lên trong Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) hoặc đã hoàn thành khóa đào tạo tương đương

* Về quốc tịch, tính đến ngày nộp hồ sơ, người có hai quốc tịch trong đó có quốc tịch Hàn Quốc không thể nộp đơn.

03

CƠ SỞ GWANGJU

CHUYÊN NGÀNH (D-2)

* KHOA TIẾNG HÀN THỰC TIỄN

Hệ học ngày-học ban tối / 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Đổi visa **F-2-R** (cư trú tại vùng đặc biệt: điều kiện cư trú trên 5 năm)
- Đổi visa **E-7** cư trú tại vùng đặc biệt



Giới thiệu chuyên ngành

- Đào tạo chuyên sâu về ngôn ngữ văn hóa theo các ngành công nghiệp
- Giảng dạy tiếng Hàn theo định hướng toàn cầu hóa
- Liên kết cấp visa cư trú / làm việc tại Hàn Quốc





IKHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Học hệ ban ngày / 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Đối visa **E-7-3** (Hàn, điện, v,v các ngành nhân lực phổ thông) **F-2-R** (cư trú tại khu vực đặc biệt)
Đối visa F-2-R (cư trú tại vùng đặc biệt: điều kiện cư trú trên 5 năm) Khóa đặc biệt về định cư
- Xưởng đóng tàu(Hyundai Samho v,v...), Sắt, lắp ráp, xây dựng



OGiới thiệu chuyên ngành

- Đào tạo và thực tập các ngành nghề đóng tàu, sắt, hàn,v,v... lao động tay nghề cao
- Đào tạo ngôn ngữ với chuyên môn ngành nghề
- Hỗ trợ tìm kiếm việc làm tại các đối tác công ty liên kết.

Khoa hệ 4 năm <liên thông lên khoa phòng chống thiên tai, cháy nổ>

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này



03

CƠ SỞ GWANGJU

CHUYÊN NGÀNH (D-2)



KHOA PHÚC LỢI DƯỠNG LÃO

Học hệ ban ngày / 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Đào tạo chuyên ngành xin việc trong HQ **E-7-2** (visa làm điều dưỡng và bán chuyên nghiệp) và cư trú vùng đặc biệt



Giới thiệu chuyên ngành

- Đào tạo nhân lực có chuyên môn trong lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi
- Đào tạo chuyên môn cho các chuyên gia phúc lợi và dưỡng lão
- Đào tạo tiếng Hàn bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyên nghiệp tại HQ
- Liên kết các đối tác để thực tập và tìm việc làm

Khoa hệ 4 năm <liên thông lên khoa phúc lợi xã hội>
Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này



KHOA AI CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Học hệ ban ngày / 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- SLàm việc tại quốc gia bạn hoặc đổi visa **E-7** học khóa đặc biệt về định cư HQ
- Đổi visa **F-2-R**(visa cư trú tại vùng đặc biệt : khu dân cư thấp Điều kiện cư trú trên 5 năm) học khóa đặc biệt về định cư



Giới thiệu chuyên ngành

- (Điện) đào tạo kỹ thuật trang bị ô tô
- Đào tạo ngôn ngữ nâng cao theo định hướng toàn cầu
- Liên kết tạo điều kiện cư trú/ làm việc trong Hàn Quốc



Khoa hệ 4 năm <liên thông lên khoa phòng chống thiên tai, cháy nổ>

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này

KHOA THẨM MỸ VÀ LÀM ĐẸP

Học hệ ban ngày / 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Sau khi về nước có thể làm chuyên gia (da, tóc, nail, makeup) Hoặc mở tiệm, xin việc
- Sau khi hoàn thành đào tạo có thể nhận giấy phép hành nghề thẩm mỹ (không thi)
- Nhận chứng chỉ quốc gia về chuyên viên thẩm mỹ(tóc, da)



Giới thiệu chuyên ngành

- Đào tạo chuyên gia làm đẹp toàn cầu, và chuyên nghiệp
- Đào tạo thực hành và chứng chỉ hành nghề làm trọng tâm (da, tóc, nail, makeup)
- Đào tạo ngoại ngữ quốc tế phát triển tài năng phục vụ toàn cầu hóa



Khoa hệ 4 năm <liên thông tiếp lên khoa thẩm mỹ và làm đẹp>

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này



LỊCH BIỂU

HỌC KỲ	Lịch kế hoạch	Kết thúc tiếp nhận hồ sơ	Thời gian học theo học kỳ
Mùa Xuân 2025	Từ 12/03/2025 đến 22/05/2025 (10 tuần)	Trong tháng 11-12	Tổng cộng 160 giờ (16 giờ/tuần, 10 tuần)
Mùa Hè 2025	Từ 02/06/2025 đến 07/08/2025 (10 tuần)	Trong tháng 3-4	
Mùa Thu 2025	Từ 08/09/2025 đến 20/11/2025 (10 tuần)	Trong tháng 5-6	
Mùa Đông 2025	Từ 26/11/2025 đến 05/02/2026 (10 tuần)	Trong tháng 9-10	

CHI PHÍ

PHÂN LOẠI	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ	HỌC PHÍ	BẢO HIỂM	KÝ TÚC XÁ
SỐ TIỀN	50,000WON	1,000,000WON (3tháng)	65,000WON (6 tháng)	810,000WON (6tháng, phòng 4 người)
KHÁC	Đóng 1 lần và không hoàn lại	4,000,000WON (12tháng)	Sau 6 tháng tham gia bảo hiểm quốc gia	Không gồm tiền ăn
SỐ TÀI KHOẢN	Số tài khoản theo quy định sẽ được cung cấp khi thông báo trúng tuyển			

* Sau khi nhập cảnh các chi phí phát sinh mỗi cá nhân tự đóng (bảo hiểm quốc gia, tiền sách, thẻ người nước ngoài, v.v...)

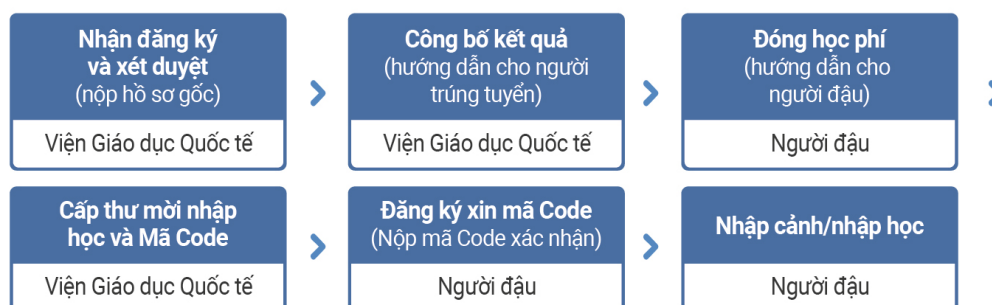
ƯU ĐÃI

- ACó hỗ trợ tại sân bay
- Trải nghiệm văn hóa (K-food, làm bánh, v.v...)
- Chương trình trải nghiệm thích ứng

ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ

- Là người nước ngoài
- Tốt nghiệp cấp 3 trở lên, hoặc tương đương

TRÌNH TỰ ĐĂNG KÝ



Hồ sơ cần nộp

No.	Hồ sơ cần nộp	Ghi chú
1	Đơn đăng ký nhập học	Theo mẫu của Trường Đại học Seoyeon
2	Bản sao hộ chiếu	Bản sao hộ chiếu của bản thân và của cha mẹ (hoặc giấy tờ tùy thân tại nước sở tại) · Hộ chiếu còn thời hạn ít nhất 1 năm tính đến ngày khai giảng · Đối với người hiện đang sống tại Hàn Quốc, cần nộp thêm bản sao Thẻ đăng ký người nước ngoài (mặt trước và mặt sau)
3	Chứng nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông (tạm thời)	Được xác nhận qua 1 trong 2 cách dưới đây: ① Chứng nhận Apostille (áp dụng cho các quốc gia tham gia công ước) ② Hồ sơ gốc được chứng nhận lãnh sự Hàn Quốc ở nước nơi theo học trường THPT hoặc được chứng nhận lãnh sự tại đại sứ quán nước sở tại ở Hàn Quốc * Đối với ứng viên mang quốc tịch Trung Quốc, nộp giấy chứng nhận học lực do Bộ Giáo dục cấp * Đối với học sinh nộp Chứng nhận tốt nghiệp tạm thời sẽ phải bổ sung Chứng nhận tốt nghiệp sau.
4	Bảng điểm của tất cả các lớp tại THPT	Bản gốc và bản dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn)
5	Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình	Giấy tờ chứng minh quốc tịch và mối quan hệ của người nộp đơn và của cả cha mẹ · Trung Quốc: Bản gốc sổ hộ khẩu có công chứng (trường hợp tách hộ khẩu, nộp bản công chứng mối quan hệ huyết thống) · Các nước khác : Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình tại mỗi nước
6	Sao kê ngân hàng	ản gốc giấy sao kê tiền gửi đứng tên ứng viên hoặc người bảo lãnh tài chính như cha mẹ v.v. (từ 8 triệu won trở lên) *Giấy sao kê tại mỗi quốc gia phải được nộp theo tiêu chuẩn được hướng dẫn bởi Bộ Tư pháp Hàn Quốc và nộp các tài liệu bổ sung khi cần thiết. - Trung Quốc : Giấy sao kê được cấp trong vòng 1 tháng tính đến ngày nộp đơn xin nhập học và sau đó nộp thêm giấy trong vòng 1 tháng tính đến thời điểm xin thị thực - Việt Nam : Nộp Giấy xác nhận tiền gửi đảm bảo phí du học (thời hạn gửi 1 năm, từ 8 triệu won trở lên)
7	Giấy tờ chứng minh tài chính	Bản dịch công chứng các giấy tờ chứng minh tài chính (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn) như: giấy xác nhận đi làm của người bảo lãnh tài chính, giấy tờ chứng minh quan hệ thu nhập, tài sản, v.v.
8	Ảnh màu	3 tấm ảnh 3.5 x 4.5 cm loại chụp hộ chiếu với phông nền trắng (được chụp trong vòng 6 tháng gần nhất)

* Trong quá trình xét duyệt hồ sơ, có thể yêu cầu bổ sung giấy tờ cần thiết để xác minh

Hướng dẫn về hồ sơ chứng minh trình độ học lực cuối cùng ở Trung Quốc

(Đối với học viên có trình độ học vấn hoặc bằng cấp ở Trung Quốc)

Phân loại trường học		Hồ sơ cần nộp	Ghi chú
Trường THPT chính quy		Giấy chứng nhận học lực do Trung tâm Chứng nhận Học lực thuộc Bộ Giáo dục Trung Quốc cấp	
Trường trung học dạy nghề	Trường trung học bổ túc phổ thông	① Cấp trực tuyến i) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp : Phải có xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc (Chỉ công nhận trong trường hợp có thể xác minh qua hình thức trực tuyến) ② Cấp trực tiếp i) 'Nộp "Giấy xác nhận thông tin trường trung học dạy nghề tại Trung Quốc" ii) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp : Phải có xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc iii) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do nhà trường cấp : Phải có xác nhận của Phòng Giáo dục tỉnh (Sở Giáo dục thành phố) hoặc Ủy ban Giáo dục + Xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc	Chọn 1
	Trường THPT dạy nghề		
	Trường trung học bổ túc dành cho người trưởng thành		
	Trường kỹ thuật công nghiệp	Bản tra cứu trực tuyến từ trang web chính thức (www.mohrss.gov.cn) của Bộ Nhân lực và An sinh xã hội (Chỉ công nhận trong trường hợp có thể xác minh qua hình thức trực tuyến) + Xác nhận của lãnh sự quán Hàn Quốc tại Trung Quốc	

☀️ ĐƯỜNG ĐẾN CƠ SỞ GWANGJU



☀️ ĐƯỜNG ĐẾN CƠ SỞ PAJU



경의중앙선

- 홍대입구역에서 **42분**
- 대곡역에서 **26분**
- 디지털미디어시티역에서 **36분**

서해선

- 사우역(김포시청)에서 **49분**
- 인천계양에서 **44분**
- 부천소에서 **42분**
- 인천검암에서 **49분**
- 김포공항역에서 **37분**
- 까치산역에서 **49분**

04

TRANG THIẾT BỊ VÀ TÒA NHÀ CỦA TRƯỜNG

✧ KÝ TÚC XÁ TẠI CƠ SỞ GWANGJU



✧ KÝ TÚC XÁ TẠI CƠ SỞ PAJU

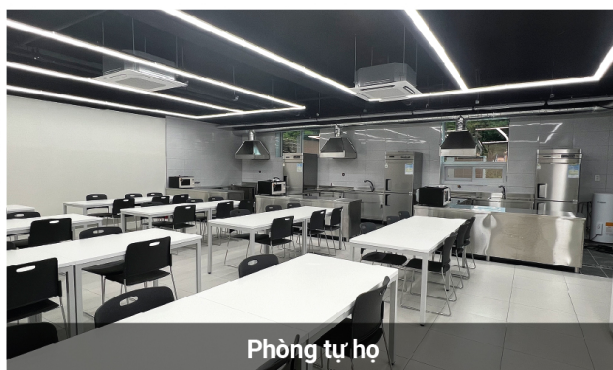




✧ TRANG THIẾT BỊ KÝ TÚC XÁ



Căn tin



Phòng tự học

✧ CÁC TÒA NHÀ



**Là trường Đại học trọng tâm nghề nghiệp
đào tạo nhân lực công nghiệp người nước
ngoài có thể định cư**



서영대학교
SEOYEONG UNIVERSITY

Viện Giáo Dục Quốc Tế Đại Học Seoyeong

Số điện thoại : GWANGJU : 82-62-520-5144 | PAJU : 82-31-930-9640

Số fax : GWANGJU : 82-62-520-5146 | PAJU : 82-31-930-9575

E-mail : globalsy@seoyeong.ac.kr

Địa chỉ : 1, Seogang-ro, Buk-gu, Gwangju (Gwanju Campus)

170, Seoyeong-ro, Wollong-myeon, Paju-si, Gyeonggi-do (Paju Campus)



Viện Giáo dục
Quốc tế Đại Học
Seoyeong